

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/10/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lưu Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu

2. Ông Đỗ Văn Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Biện Anh Huy –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 548/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 457/2022/QĐST-DS ngày 05/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2022/QĐ-HPT ngày 30/9/2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu M, sinh năm: 1991

Địa chỉ: khu phố 1, phường Phú T, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: khu phố 1, phường Phú T, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận.

Bà M có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu M và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều trình bày: Bà Nguyễn Thị Thu M, ông Lê Thanh T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được Ủy ban nhân dân thị trấn Ma L, huyện Hàm Thuận B, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 165/2011, quyền số 01/2011 ngày 01/12/2011.

Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu. Nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vì ông T không quan tâm đến vợ con, nguyên nhân là do ông T đi sớm về trễ, làm ra tiền về không phụ với vợ để chăm lo cho gia đình mà chỉ cờ bạc, ăn chơi cho bản thân nên vợ chồng thường cãi vã, đời sống không hòa hợp, ông T thường xuyên có những hành động, lời nói xúc phạm với tới bà M do đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được mặc dù gia đình hai bên cũng như vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vẫn không hề giảm mà ngày càng phát sinh trầm trọng hơn. Đến tháng 10 năm 2019 ông Lê Thanh T tự ý bỏ nhà đi từ đó đến nay không có tin tức gì nên bà Nguyễn Thị Thu M và người thân đã chủ động tìm kiếm đủ mọi biện pháp như nhờ anh, em họ hàng, bạn bè, thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có kết quả. Vì vậy, theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu M, ngày 29/7/2022 Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã Quyết định tuyên bố mất tích đối với ông Lê Thanh T.

Nay bà Nguyễn Thị Thu M nhận thấy tình trạng gia đình đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình, ngày 15/8/2022 bà Nguyễn Thị Thu M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với người đã mất tích là ông Lê Thanh T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu M, ông Lê Thanh T có một con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 06/5/2013 hiện nay được bà M trực tiếp nuôi dưỡng nên sau khi ly hôn bà M muốn được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên bà Nguyễn Thị Thu M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu M xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với ông Lê Thanh T. Tuy nhiên, ông Lê Thanh T không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, ông Lê Thanh T không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên toà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, đồng thời chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu M được ly hôn ông Lê Thanh T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu M, ông Lê Thanh T có một con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 06/5/2013 hiện nay được bà M nuôi dưỡng nên giao cháu Tùng cho bà M trực tiếp nuôi, do ông Lê Thanh T đang mất tích nên bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu M cam kết bà Nguyễn Thị Thu M và ông Lê Thanh T không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Thanh T là bị đơn trong vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” có nơi cư trú tại thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Do ông Lê Thanh T bị T bố mất tích nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 174, 175, 177, 179, 207, 227 và Điều 233 Bộ luật tố tụng Dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu M, ông Lê Thanh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được Ủy ban nhân dân thị trấn Ma L, huyện Hàm Thuận B, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 165/2011, quyền số 01/2011 ngày 01/12/2011, nên quan hệ vợ chồng của bà M và ông T là hợp pháp. Lý do bà M xin ly hôn vì ông T đã bị Tòa án T bố mất tích. Căn cứ quyết định số 01/2022/QĐST- VDS ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã T bố ông Lê Thanh T mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và kể từ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án đến ngày Tòa án mở phiên tòa ông Lê Thanh T vẫn vắng mặt. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu M, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà Nguyễn Thị Thu M được ly hôn với ông Lê Thanh T.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu M, ông Lê Thanh T có một con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 06/5/2013 hiện nay được bà M trực tiếp nuôi dưỡng nên sau khi ly hôn bà M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi trưởng thành, hiện nay bà Nguyễn Thị Thu M là mẹ và đang trực tiếp nuôi dưỡng con, bà M có công việc làm ổn định có mức thu nhập đảm bảo để chăm sóc nuôi dưỡng con phát triển và trưởng thành toàn diện, hơn nữa ông Lê Thanh T đã mất tích, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con cho bà Nguyễn Thị Thu M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Trong thời gian bà Nguyễn Thị Thu M trực tiếp nuôi con mà ông Lê Thanh T trở về, nếu con chưa đủ 18 tuổi, khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Do ông T mất tích nên bà Nguyễn Thị Thu M không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà Nguyễn Thị Thu M không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án.

[4] YU kieán Vieän kieám saùt nhaân daân thaønh phaé Phan Thieát: Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận xong, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định với trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thu M được ly hôn với và ông Lê Thanh T. Giao người con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 06/5/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu M trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự và nợ chung không có nên chưa xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục cũng như nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Thu M là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại khoản 01 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án sơ thẩm (21/10/2022) bà Nguyễn Thị Thu M có quyền kháng cáo. Ông Lê Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 23, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 238, Điều 262 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 05, Điều 19, Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ T xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu M.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu M được ly hôn ông Lê Thanh T.

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu M và ông Lê Thanh T có một con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 06/5/2013.

Giao con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 06/5/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Trong thời gian Nguyễn Thị Thu M trực tiếp nuôi con mà ông Lê Thanh T trở về, nếu con chưa đủ 18 tuổi, khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu M chưa có yêu cầu chia tài sản nên chưa giải quyết.

2.4. Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu M cam kết bà Nguyễn Thị Thu M và ông Lê Thanh T không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Theo quy định khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Thu M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0010029 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại khoản 01 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án sơ thẩm (21/10/2022) bà Nguyễn Thị Thu M có quyền kháng cáo. Ông Lê Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết
- Thi hành án dân sự Phan Thiết
- UBND phường Phú Tài
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

NGUYỄN LƯU TRIỀU